Họ và tên:……………………………. Lớp: Năm *Thứ hai, 22/02/2021*

**Tuần 23**

**Tập đọc**

**Phân xử tài tình**

**(Đọc bài và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa Tiếng Việt tập 2/46-47)**

----o0o----

**Luyện từ và câu**

**Ôn tập**

**I. ĐỌC HIỂU:**

**Đọc thầm** đoạn văn sauvà **khoanh** vàochữ cái trước ý trả lời đúng cho từng câu hỏi dưới đây:

Ghen Cô Vy

“Dạo gần đây có một vi rút rất hot. Tên của em ấy là Cô – rô – na. Quê em ở Vũ Hán. Chúng ta nên đề cao cảnh giác, đừng để em ấy phát tán. Chắc chắn ta nên quyết tâm tự giác để dịch bệnh không bùng cháy lên. Cùng rửa tay xoa, xoa, xoa đều, đừng cho tay lên mắt, mũi, miệng và hạn chế đi ra nơi đông người để đẩy lùi vi rút Cô – rô – na.”

 *Theo Nhạc sĩ Khắc Hưng*

 ***(Khoanh tròn vào các chữ cái trước ý đúng câu 1, 2, 4)***

**Câu 1: Tên của vi rút được nói đến trong đoạn văn là gì?**

1. Cô – rô – na B. Covid 19 C. Covid 20 D. Cả A và B đúng.

**Câu 2: Quê hương của virut đó ở đâu?**

1. Daegu, Hàn Quốc C. Vũ Hán, Trung Quốc
2. Thượng Hải, Trung Quốc D. Nơi khác: ………………….

**Câu 3: Chúng ta phải làm gì để tránh sự lây lan của vi rút này? Đánh dấu X vào ô trống trước việc cần làm.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | A | Mọi người cần nâng cao cảnh giác. |
|  | B | Thường xuyên rửa tay với xà phòng dưới vòi nước sạch |
|  | C | Không cho tay lên mắt, mũi, miệng |
|  | D | Đi lại nơi đông người |
|  | F | Ăn chín, đủ chất, uống sôi, tập thể dục thường xuyên |

**Câu 4.** Dòng nào sau đây gồm các **từ chỉ bộ phận cơ thể** được nói đến trong đoạn văn?

1. Tay, mắt, mũi, chân C. Chân, tay, mắt, miệng
2. Tay, mắt, mũi, miệng D. Đầu, tay, mắt, miệng

**Câu 5.** **Em đã thực hiện biện pháp nào để phòng dịch bệnh do vi rút Cô-rô-na gây ra?.**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**II. LUYỆN TỪ VÀ CÂU:**

 **\* *QUAN HỆ TỪ*: *Là từ có* *tác dụng nối các từ ngữ hoặc các vế câu với nhau để thể hiện* *mối quan hệ giữa các từ ngữ hoặc các vế câu ấy.***

* **Những quan hệ từ ( 1 quan hệ từ ) thường được dùng là: và, rồi, thì, nhưng, hay, hoặc, nếu, hễ, giá, tuy, mặc dù, …**
* **Những cặp quan hệ từ và mối quan hệ thường được dùng là:**

**- vì…nên….; do….nên….; nhờ….mà…. ( mối quan hệ nguyên nhân-kết quả )
- nếu…thì…; giá….thì…; hễ….thì…. ( mối quan hệ điều kiện-kết quả, giả thiết-kết quả)
- tuy….nhưng….; mặc dù….nhưng…. ( mối quan hệ tương phản )
- chẳng những…. mà……; không chỉ….. mà…… (mối quan hệ tăng tiến )**

**Luyện tập**

1. Gạch dưới ***quan hệ từ*** trong câu dưới đây và cho biết chúng có mối quan hệ gì.

*“Nếu con học hành chăm chỉ thì con sẽ đạt được thành tích cao trong học tập.”*

* + Cặp quan hệ từ trên biểu thị: ………………………………………………
1. Gạch dưới ***quan hệ từ*** trong câu dưới đây và cho biết chúng có mối quan hệ gì.

*“Vì mọi người tích cực trồng cây nên quê hương em có nhiều cánh rừng xanh mát.”*

- Cặp quan hệ từ trên biểu thị: ………………………………………………

1. Tìm ***cặp quan hệ từ*** trong câu và cho biết chúng có mối quan hệ gì.

"*Tuy hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng bạn Lan vẫn luôn học giỏi.*"

* + - Cặp quan hệ từ :……………………………………………………………….
		- Cặp quan hệ từ trên biểu thị:*..............................................................................*
	1. Trong câu ***“Cháu có thể làm được những điều kì diệu nhất nếu cháu nằm trong bàn tay một* *người nào đó và giúp họ làm việc”***

 *-* Có ……............quanhệtừ, đó là từ :…………………………………

1. Trong câu ***“Phút yên tĩnh của rừng ban mai dần biến đi.”***  có:
2. Ba quan hệ từ. Đó là từ: ...................... C. Hai quan hệ từ. Đó là từ: ...........

B. Cặp quan hệ từ. Đó là từ: ...................... D. Một quan hệ từ. Đó là từ:....................

1. **Điền cặp quan hệ từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau:**

 *.................. mọi người tuân thủ tốt phòng chống dịch bệnh…................. chúng ta sẽ đẩy lùi nhanh giặc corona.*

**Toán**

**Xăng-ti-mét khối. Đề-xi-mét khối**

****I . LÝ THUYẾT : Xăng - ti - mét khối. Đề - xi - mét khối**

**Để đo thể tích người ta có thể dùng những đơn vị: xăng-ti-mét khối, đề-xi-mét khối.**

a) *Xăng-ti-mét khối* là thể tích của hình lập phương có cạnh dài 1cm.

**Xăng-ti-mét khổi viết tắt là cm3.**

b) *Đề-xi-mét khối* là thể tích của hình lập phương có cạnh dài 1dm.

**Đề-xi-mét khối viết tắt là dm3.**

c) Hình lập phương cạnh 1dm gồm: 10 × 10 × 10 = 1000 hình lập phương cạnh 1cm. Ta có:

**1dm3 = 1000cm3**

**II. VẬN DỤNG:**

 **\* Học sinh làm vào Vở bài tập toán 5 ( Tập 2)**

**1/31** **a. Viết cách đọc các số đo sau (theo mẫu):**

Mẫu: 82cm3: tám mươi hai xăng-ti-mét khối.

508dm3: …………………………………………………

17,02dm3: ……………………………………………….

 **** cm3: …………………………………………………..

b. Viết các số đo thích hợp vào chỗ chấm:

Hai trăm năm mươi hai xăng-ti-mét khối: …………………………………

Năm nghìn không trăm linh tám đề-xi-mét khối: ………………………….

Tám phẩy ba trăm hai mươi đề-xi-mét khối: ………………………………

Ba phần năm xăng-ti-mét khối: ……………………………………………

**2/32 Viết số đo thích hợp vào ô trống:**

a) 1dm3  = …………... cm3

4,5dm3  = ………..….. cm3

215dm3  = …………… cm3

2/5dm3  = ………….. cm3

b) 5000cm3  = ……………….dm3

940 000cm3 = …………….….dm3

 2100cm3 = ……. dm3 ……… cm3

 372000cm3 = ……………….. dm3

 606dm3 = ……………… cm